

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **07/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 23/6/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Ngọc Hà

- Ông Nguyễn Văn Ngự

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2020/TLST – HNGĐ ngày 02/01/2020; Về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 149, Khu 3, ấp P, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Hồ Chí Bửu – Công ty Luật Hợp Danh Đông Á, chi nhánh Sóc Trăng – Thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 3, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Kim Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 209, Khu 3, ấp P, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc T trình bày:*

Chị T với anh Kim Văn H cưới nhau năm 2011, có Đ ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2011 ngày 24/02/2011. Trong quá trình chung sống, chị với anh H có 01 con chung tên Đ, sinh ngày 12/11/2011, hiện cháu Đ đang được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian 04 năm trở lại đây, cuộc sống gia đình giữa chị với anh H

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nên chị với anh H đã sống ly thân cho đến nay. Nay hôn nhân giữa chị với anh H không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Kim Văn H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Do cháu Đ hiện đang được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị với anh H sống ly thân và cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với anh H sau khi chị với anh H ly hôn nên chị đồng ý giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị không cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Tờ tường trình ngày 18/01/2020, các chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn anh Kim Văn H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh H không đồng ý ly hôn với chị Lý Thị Ngọc T. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T trình bày là hoàn toàn không đúng sự thật, trong quá trình chung sống vợ chồng chị T không hoàn thành nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ trong gia đình, thực tế là khi con anh được 18 tháng tuổi thì chị T lấy theo tài sản là vàng cưới, xe để bỏ đi theo người đàn ông khác cho đến nay, anh không biết chị T đi đâu, làm gì và không về thăm con.

- Về con chung: Anh với chị T có 01 con chung tên Đ, sinh ngày 12/11/2011, hiện cháu Đ do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con, do chị T không chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được ngày nào từ khi bỏ nhà đi cho đến nay.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc T. Bởi vì, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người không thể hàn gắn lại tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau, chị T và anh H đều xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, vì trong cuộc sống gia đình anh H nhiều lần đe dọa tính mạng chị T, có hành vi bạo lực gia đình nên chị T pH bỏ nhà đi, khi chị T nộp đơn ly hôn thì anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng mà còn nhiều lần đe dọa chị T và gia đình chị T, làm cho chị T sợ pH làm đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Về con chung cháu Đ, sinh ngày 12/11/2011 hiện đã trên 07 tuổi, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/01/2020 cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, nguyện vọng cháu và điều kiện chăm sóc, việc học hành của cháu hiện nay là do anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến của các đương sự. Về tài sản chung, nợ chung không có, các đương sự

không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị Ngọc T đối với anh Kim Văn H, cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật, còn con chung cháu Đ giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Kim Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh H được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc T và bị đơn anh Kim Văn H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lý Thị Ngọc T với anh Kim Văn H cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2011 ngày 24/02/2011. Theo chị T trình bày, do trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T với anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Còn anh H cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T không hoàn thành nghĩa vụ làm vợ và bỏ nhà đi theo người đàn ông khác cho đến nay, từ khi con mới 18 tháng tuổi. Nay chị T trở về nộp đơn xin ly hôn nên anh H không đồng ý. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Lý Thị Ngọc T với anh Kim Văn H cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2011 ngày 24/02/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, theo chị T nguyên nhân xin ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau, vì không

có hạnh phúc, chị với anh H không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân đã hơn 04 năm. Còn theo anh H nguyên nhân hôn nhân không hạnh phúc là do chị T bỏ đi theo người đàn ông khác từ khi con còn nhỏ, đến nay là gần 08 năm, anh không có tin tức hay liên lạc gì được với chị T, nên chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T với anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và giữa chị T với anh H đã ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không tiến hành hòa giải được do các đương sự vắng mặt và không có thiện chí hòa giải với nhau, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị Ngọc T đối với anh Kim Văn H.

[4] Về con chung: Chị T với anh H có 01 con chung tên Đ, sinh ngày 12/11/2011, hiện cháu Đ đang được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Đ đang được anh H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/01/2020 của cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh H và chị T cũng đồng ý để cháu Đ tiếp tục sống chung với anh H theo nguyện vọng của con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự, thống nhất giao con chung cháu Đ cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống, học tập, tâm lý của cháu Đ và cũng phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Lý Thị Ngọc T pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Quan điểm của luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Lý Thị Ngọc T được ly hôn với anh Kim Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Đ, sinh ngày 12/11/2011 cho anh Kim Văn H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Lý Thị Ngọc T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bị đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001254 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tâm;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha